

Số: /QĐ-SYT Đăk Lăk, ngày tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Cấp mới, cấp lại, thu hồi Giấy phép hành nghề
khám bệnh, chữa bệnh tuần 22 năm 2026

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023;
Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;
Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;
Căn cứ Quyết định số 37/2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Y tế tỉnh Đăk Lăk;
Căn cứ Biên bản họp ngày 02 tháng 06 năm 2026 của Tổ thư ký thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế;
Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y Dược, Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp mới, cấp lại Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh cho 64 cá nhân đủ điều kiện (Chi tiết theo phụ lục I đính kèm).

Điều 2. Thu hồi 10 Chứng chỉ hành nghề/Giấy phép hành nghề sau cấp mới, cấp lại giấy phép hành nghề (Chi tiết theo phụ lục II đính kèm).

Điều 3. Ông (bà) được cấp Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh tại Điều 1 có trách nhiệm thực hiện đúng phạm vi hành nghề, thời hạn hành nghề và tuân thủ các quy định hiện hành đối với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 4. Ông (bà) có tên tại Điều 2 không được sử dụng Chứng chỉ hành nghề do Sở Y tế tỉnh Đăk Lăk đã thu hồi tại Quyết định này để hành nghề khám bệnh, chữa bệnh dưới bất kỳ hình thức nào kể từ ngày Quyết định có hiệu lực. Việc tiếp tục hành nghề khám bệnh, chữa bệnh chỉ được phép khi đã đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 19, Luật Khám bệnh chữa bệnh ngày 09/01/2023.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Chánh văn phòng, Trưởng phòng Nghiệp vụ Y Dược, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Ông (bà) có tên tại Điều 1, Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Giám đốc, các PGĐ Sở Y tế;
- Website Sở Y tế (đăng tải);
- Lưu: VT, NVYD (01b).

KT GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Vũ Quang

Phụ lục I
DANH SÁCH CẤP MỚI, CẤP LẠI
GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH CHỮA BỆNH TUẦN 22 NĂM 2026
(Ban hành kèm theo Quyết định /QĐ-SYT ngày tháng 06 năm 2026 của Sở Y tế)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
1	H' Driam - Bdap	16/10/2003	066303017038	31/03/2023	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002046/ĐL-GPHN	03/06/2026	03/06/2031	Cấp mới (lần đầu)
2	Ksor Biuna Mlô	07/12/2004	066304013029	27/12/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002047/ĐL-GPHN	03/06/2026	03/06/2031	Cấp mới (lần đầu)
3	H Hạnh Bkrông	03/06/2004	066304018509	27/12/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002048/ĐL-GPHN	03/06/2026	03/06/2031	Cấp mới (lần đầu)
4	Nguyễn Thông Nha	06/11/1999	066099013709	06/11/2024	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	002049/ĐL-GPHN	03/06/2026	03/06/2031	Cấp mới (lần đầu)
5	Lê Thị Thanh Tuyền	20/08/1987	066187008368	05/10/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Kỹ thuật y	Xét nghiệm Y học	002050/ĐL-GPHN	03/06/2026	03/06/2031	Cấp mới (thay đổi chức danh)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
6	Trần Thanh Tâm	04/10/1991	066091016071	10/05/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Bác sĩ	Y khoa	002051/ĐL-GPHN	03/06/2026	03/06/2031	Cấp mới (lần đầu)
7	Hồ Hoàng Linh	24/10/1995	066095004314	19/02/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Y sĩ	Y học cổ truyền	002052/ĐL-GPHN	03/06/2026	03/06/2031	Cấp mới (lần đầu)
8	Mai Thị Ánh Dương	15/11/2003	066303005372	24/07/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002053/ĐL-GPHN	03/06/2026	03/06/2031	Cấp mới (lần đầu)
9	Nguyễn Thị Xuân Diệu	15/04/1998	066198017393	14/02/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Bác sĩ	Chuyên khoa Nhi	002054/ĐL-GPHN	03/06/2026	03/06/2031	Cấp mới (lần đầu)
10	Nguyễn Hữu Tài	24/05/2000	066200017773	29/05/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	002055/ĐL-GPHN	03/06/2026	03/06/2031	Cấp mới (lần đầu)
11	Phạm Thảo Ngân	14/11/2003	054303003888	15/04/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Kỹ thuật y	Phục hồi chức năng	002056/ĐL-GPHN	03/06/2026	03/06/2031	Cấp mới (lần đầu)
12	Phạm Hiền Ngân	14/11/2003	054303003887	15/04/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Kỹ thuật y	Phục hồi chức năng	002057/ĐL-GPHN	03/06/2026	03/06/2031	Cấp mới (lần đầu)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
13	Lê Hồng Mạnh	26/02/1998	035098008868	22/09/2024	Bộ Công an	Y sĩ	Đa khoa	002058/ĐL-GPHN	03/06/2026	03/06/2031	Cấp mới (lần đầu)
14	Lê Thị Lan Anh	01/01/2003	066303015790	28/06/2023	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Kỹ thuật y	Xét nghiệm Y học	002059/ĐL-GPHN	03/06/2026	03/06/2031	Cấp mới (lần đầu)
15	Đặng Thị Ngọc Lan	26/12/1999	030199012962	23/12/2024	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	002060/ĐL-GPHN	03/06/2026	03/06/2031	Cấp mới (lần đầu)
16	Phạm Thị Minh Khánh	10/11/2004	054304009393	10/08/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Hộ sinh	Hộ sinh	002061/ĐL-GPHN	03/06/2026	03/06/2031	Cấp mới (lần đầu)
17	Trần Thị Ánh Tuyết	13/01/2003	066303017604	12/09/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Kỹ thuật y	Xét nghiệm Y học	002062/ĐL-GPHN	03/06/2026	03/06/2031	Cấp mới (lần đầu)
18	H Nga Niê	30/04/2002	066302010360	31/05/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002063/ĐL-GPHN	03/06/2026	03/06/2031	Cấp mới (lần đầu)
19	H' Yui Êban	09/06/2004	066304009771	17/05/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002064/ĐL-GPHN	03/06/2026	03/06/2031	Cấp mới (lần đầu)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
20	Trần Văn Dũng	06/08/1997	040097023560	08/07/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Y sĩ	Y học cổ truyền	002065/ĐL-GPHN	03/06/2026	03/06/2031	Cấp mới (lần đầu)
21	Đình Hồng Thắm	30/09/2003	051303002973	22/04/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002066/ĐL-GPHN	03/06/2026	03/06/2031	Cấp mới (lần đầu)
22	H Yô Yet Kbuôr	08/02/2004	066304007695	31/05/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002067/ĐL-GPHN	03/06/2026	03/06/2031	Cấp mới (lần đầu)
23	Kpă H' Wân	19/05/2004	066304001238	09/04/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002068/ĐL-GPHN	03/06/2026	03/06/2031	Cấp mới (lần đầu)
24	Lê Thị Anh Đào	28/09/2004	066304004671	10/05/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002069/ĐL-GPHN	03/06/2026	03/06/2031	Cấp mới (lần đầu)
25	H Ra Hồng Niê	08/03/2004	066304019574	27/12/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002070/ĐL-GPHN	03/06/2026	03/06/2031	Cấp mới (lần đầu)
26	Phạm Thị Thu Hương	24/12/2003	066303019317	12/08/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002071/ĐL-GPHN	03/06/2026	03/06/2031	Cấp mới (lần đầu)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
27	Nguyễn Tiến Bình	05/09/1982	042082010022	08/07/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002072/ĐL-GPHN	03/06/2026	03/06/2031	Cấp mới (lần đầu)
28	Lưu Thành Luynh	09/04/1990	066090007232	08/07/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002073/ĐL-GPHN	03/06/2026	03/06/2031	Cấp mới (lần đầu)
29	Y Jim Niê	21/04/1989	066089019635	08/07/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002074/ĐL-GPHN	03/06/2026	03/06/2031	Cấp mới (lần đầu)
30	Trương Thị Hiếu	29/10/1989	038189032036	09/08/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002075/ĐL-GPHN	03/06/2026	03/06/2031	Cấp mới (lần đầu)
31	Bùi Thị Minh	30/04/1986	066186008752	24/03/2026	Bộ Công an	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002076/ĐL-GPHN	03/06/2026	03/06/2031	Cấp mới (lần đầu)
32	Trương Thị Lưu	20/02/1988	066188016076	09/08/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002077/ĐL-GPHN	03/06/2026	03/06/2031	Cấp mới (lần đầu)
33	Lê Thị Thúy	01/10/1989	038189032036	09/08/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002078/ĐL-GPHN	03/06/2026	03/06/2031	Cấp mới (lần đầu)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
34	Đinh Văn Việt	02/12/1985	066085013715	13/05/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	002079/ĐL-GPHN	03/06/2026	03/06/2031	Cấp mới (lần đầu)
35	Phan Thị Khánh Hoa	07/09/1991	066191003707	10/03/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002080/ĐL-GPHN	03/06/2026	03/06/2031	Cấp mới (lần đầu)
36	H Măng Mlô	05/11/1990	066190016907	10/08/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002081/ĐL-GPHN	03/06/2026	03/06/2031	Cấp mới (lần đầu)
37	Ngọc Thị Yên	23/09/1994	024194008063	27/12/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002082/ĐL-GPHN	03/06/2026	03/06/2031	Cấp mới (lần đầu)
38	Đoàn Thị Xuân Nương	15/05/1983	052183006686	08/07/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002083/ĐL-GPHN	03/06/2026	03/06/2031	Cấp mới (lần đầu)
39	Trần Thị Dung	15/11/1987	066187012911	12/08/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002084/ĐL-GPHN	03/06/2026	03/06/2031	Cấp mới (lần đầu)
40	Trần Thị Thanh	20/05/1989	040189011310	25/10/2023	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002085/ĐL-GPHN	03/06/2026	03/06/2031	Cấp mới (lần đầu)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
41	Trần Thị Kính	25/02/1991	066191015168	25/08/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002086/ĐL-GPHN	03/06/2026	03/06/2031	Cấp mới (lần đầu)
42	Vũ Thị Hải Yến	22/09/1988	066188005353	10/05/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002087/ĐL-GPHN	03/06/2026	03/06/2031	Cấp mới (lần đầu)
43	Phạm Thị Yến Nhi	18/02/2003	066303017703	22/04/2024	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Kỹ thuật y	Xét nghiệm Y học	002088/ĐL-GPHN	03/06/2026	03/06/2031	Cấp mới (lần đầu)
44	Nguyễn Hải Đăng	25/12/1999	054099005343	06/01/2026	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	002089/ĐL-GPHN	03/06/2026	03/06/2031	Cấp mới (lần đầu)
45	Cao Thị Hằng	03/06/1980	054180009458	05/12/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002090/ĐL-GPHN	03/06/2026	03/06/2031	Cấp mới (thay đổi chức danh)
46	Đoàn Xuân Hiệu	22/06/1991	008091001535	25/04/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Bác sĩ	Y khoa	002091/ĐL-GPHN	03/06/2026	03/06/2031	Cấp mới (thay đổi chức danh)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
47	Nguyễn Văn Tuấn	01/06/1986	066086009162	10/01/2026	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	002092/ĐL-GPHN	03/06/2026	03/06/2031	Cấp mới (thay đổi chức danh)
48	Nguyễn Chí Danh	15/04/1996	066096004251	12/08/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Bác sĩ	Y khoa	002093/ĐL-GPHN	03/06/2026	03/06/2031	Cấp mới (thay đổi chức danh)
49	Trần Ngọc Việt Duy	22/05/1989	066089008786	14/02/2023	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Bác sĩ	Y khoa	002094/ĐL-GPHN	03/06/2026	03/06/2031	Cấp mới (thay đổi chức danh)
50	Đoàn Tuấn Phương	21/01/1993	066093002038	19/04/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Bác sĩ	Y khoa	002095/ĐL-GPHN	03/06/2026	03/06/2031	Cấp mới (thay đổi chức danh)
51	Đoàn Ngọc Kiều Anh	17/07/1998	066198018936	08/03/2024	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002096/ĐL-GPHN	03/06/2026	03/06/2031	Cấp mới (lần đầu)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
52	Đặng Minh Đăng	13/10/2000	054200009126	17/09/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	002097/ĐL-GPHN	03/06/2026	03/06/2031	Cấp mới (lần đầu)
53	Đỗ Thị Thanh Trà	11/11/2003	054303001925	13/04/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002098/ĐL-GPHN	03/06/2026	03/06/2031	Cấp mới (lần đầu)
54	Phạm Thị Mỹ Dung	12/07/2004	054304002740	23/04/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002099/ĐL-GPHN	03/06/2026	03/06/2031	Cấp mới (lần đầu)
55	Phạm Thị Hồng Hạnh	12/08/1990	054190005361	08/05/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002100/ĐL-GPHN	03/06/2026	03/06/2031	Cấp mới (thay đổi chức danh)
56	Võ Thị Tuyết Dung	30/10/1978	054178010052	10/08/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Kỹ thuật y	Xét nghiệm Y học	002101/ĐL-GPHN	03/06/2026	03/06/2031	Cấp mới (thay đổi chức danh)
57	Nguyễn Thị Hải Yến	31/10/1985	034185022113	15/11/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002102/ĐL-GPHN	03/06/2026	03/06/2031	Cấp mới (lần đầu)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
58	Nguyễn Thị Thiệp	10/02/1989	042189015143	08/07/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002103/ĐL-GPHN	03/06/2026	03/06/2031	Cấp mới (lần đầu)
59	Võ Thị Hồng Mai	24/07/1992	066192018744	12/08/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Y sĩ	Y học cổ truyền	002104/ĐL-GPHN	03/06/2026	03/06/2031	Cấp mới (lần đầu)
60	Đặng Phan Ánh Lộc	27/10/2003	066303018667	07/09/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Kỹ thuật y	Xét nghiệm Y học	002105/ĐL-GPHN	03/06/2026	03/06/2031	Cấp mới (lần đầu)
61	Nguyễn Minh Tâm	23/04/2004	054304006601	27/12/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002106/ĐL-GPHN	03/06/2026	03/06/2031	Cấp mới (lần đầu)
62	H - Nhiên Niê	26/12/2004	066304014916	08/07/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002107/ĐL-GPHN	03/06/2026	03/06/2031	Cấp mới (lần đầu)
63	Nguyễn Thị Hợp	26/09/1999	054199007629	26/11/2024	Bộ Công an	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002108/ĐL-GPHN	03/06/2026	03/06/2031	Cấp mới (lần đầu)
64	Nguyễn Thị Mi Lân	02/09/1980	054180000165	07/03/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001649/ĐL-GPHN	03/06/2026	05/01/2031	Cấp lại

Danh sách bao gồm 64 cá nhân./.

Phụ lục II
DANH SÁCH THU HỒI
CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ/GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH TUẦN 22 NĂM 2026
(Ban hành kèm theo Quyết định /QĐ-SYT ngày tháng 06 năm 2026 của Sở Y tế)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Số CCHN/GPHN</i>	<i>Ngày cấp CCHN/GPHN</i>	<i>Văn bằng CM/Chức danh</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Lý do thu hồi</i>
1	Lê Thị Thanh Tuyền	20/08/1987	240953462	001564/ĐL-CCHN	20/06/2013	Kỹ thuật viên	Thực hiện các chức năng Chuyên môn của kỹ thuật viên xét nghiệm	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn
2	Cao Thị Hằng	03/06/1980	221088548	0001060/PY-CCHN	10/07/2014	Hộ sinh	Quy định tại Thông tư số 12/2011/TT – BHYT ngày 15/3/2011 của Bộ Y tế Quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh.	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Số CCHN/GPHN</i>	<i>Ngày cấp CCHN/GPHN</i>	<i>Văn bằng CM/Chức danh</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Lý do thu hồi</i>
3	Đoàn Xuân Hiệu	22/06/1991	245342416	0005528/ĐL-CCHN	10/05/2015	Y sỹ đa khoa	thực hiện chức năng nhiệm vụ của y sỹ	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn
4	Nguyễn Văn Tuấn	01/06/1986	240892322	002092/ĐL-CCHN	21/10/2013	Y sỹ định hướng chuyên khoa YHCT	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn
5	Nguyễn Chí Danh	15/04/1996	241548833	007785/ĐL-CCHN		Y sỹ (Trung cấp)	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ y tế, Bộ nội vụ	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Số CCHN/GPHN</i>	<i>Ngày cấp CCHN/GPHN</i>	<i>Văn bằng CM/Chức danh</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Lý do thu hồi</i>
6	Trần Ngọc Việt Duy	22/05/1989	241030874	008594/ĐL-CCHN	12/04/2019	Y sĩ	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội Vụ	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn
7	Đoàn Tuấn Phương	21/01/1993	241253826	0005142/ĐL-CCHN	26/12/2014	Y sĩ đa khoa	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Y sĩ đa khoa	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn
8	Phạm Thị Hồng Hạnh	12/08/1990	221269244	002792/PY-CCHN	07/05/2018	Y sĩ	Tham gia sơ cứu ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh thông thường theo quy định tại Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sỹ, bác sỹ y học dự phòng, y sỹ.	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Số CCHN/GPHN</i>	<i>Ngày cấp CCHN/GPHN</i>	<i>Văn bằng CM/Chức danh</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Lý do thu hồi</i>
9	Võ Thị Tuyết Dung	30/10/1978	221061396	0001164/PY-CCHN	10/07/2014	Kỹ thuật y	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về xét nghiệm	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn
10	Nguyễn Thị Mi Lăn	02/09/1980	054180000165	001649/ĐL-GPHN	05/01/2026	Điều dưỡng	Điều dưỡng	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn

Danh sách bao gồm 10 cá nhân./.